

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC



NHIỀU TÁC GIẢ

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
**CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945: TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP
ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

NHIỀU TÁC GIẢ

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945:
TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP ĐẾN KỶ NGUYÊN
VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
Huế, 2025

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Cách mạng tháng Tám năm 1945: Từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam / Trần Thị Hồng Minh, Hồ Châu, Lê Hồ Sơn... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 400 tr.; 30 cm

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Khoa học. - Thư mục cuối mỗi bài

1. Lịch sử 2. Cách mạng tháng Tám 3. Kháng chiến chống Pháp 4. Việt Nam 5. Kỷ yếu
959.704 - dc23

DUF0922p-CIP

Mã số sách: NC/506-2025

DANH SÁCH THÀNH VIÊN
BAN TỔ CHỨC, BAN CHUYÊN MÔN VÀ BAN THƯ KÝ HỘI THẢO QUỐC GIA
Cách mạng tháng Tám năm 1945: Từ kỷ nguyên độc lập
đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

BAN TỔ CHỨC

1	PGS.TS. Võ Thanh Tùng	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	TS. Phan Tuấn Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban
3	TS. Trần Thị Hồng Minh	Trưởng Khoa LLCT	Phó Trưởng ban
4	PGS.TS. Huỳnh Thị Ánh Phương	Trưởng Phòng KHCN&HTQT	Ủy viên thường trực
5	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Phòng KHTC&CSVC	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Phòng TC&HC	Ủy viên

BAN CHUYÊN MÔN

1	TS. Trần Thị Hồng Minh	Trưởng Khoa LLCT	Trưởng ban
2	TS. Nguyễn Việt Phương	Phó Trưởng Khoa LLCT	Phó Trưởng ban
3	TS. Hoàng Trần Như Ngọc	Khoa LLCT	Ủy viên
4	ThS. Đào Thế Đồng	Khoa LLCT	Ủy viên
5	TS. Thái Thị Khương	Khoa LLCT	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Khoa LLCT	Ủy viên
7	ThS. Lâm Thái Bảo Ngân	Khoa LLCT	Ủy viên

BAN THƯ KÝ

1	TS. Nguyễn Việt Phương	Phó Trưởng Khoa LLCT	Trưởng ban
2	TS. Trần Thị Phương An	Phó Trưởng Phòng KHCN & HTQT	Phó Trưởng ban
3	ThS. Lâm Thái Bảo Ngân	Khoa LLCT	Ủy viên
4	ThS. Hà Lê Dũng	Khoa LLCT	Ủy viên
5	ThS. Lê Bình Phương Luân	Khoa LLCT	Ủy viên
6	ThS. Dư Thị Huyền	Khoa LLCT	Ủy viên
7	ThS. Nguyễn Lý Hữu Huân	Phòng KHCN & HTQT	Ủy viên
8	CN. Trần Thị Thảo Hiền	Phòng KHCN & HTQT	Ủy viên

TẬP THỂ TÁC GIẢ

TS. Trần Thị Hồng Minh	ThS. Lê Thị Thu Hương	TS. Nguyễn Việt Phương
TS. Hồ Châu	TS. Trần Thúy Hiền	ThS. Trần Hữu Thượng
TS. Lê Hồ Sơn	TS. Nguyễn Lê Thu	ThS. Nguyễn Thị Phương
TS. Lê Văn Thuật	ThS. Phạm Văn Toàn	ThS. Võ Thị Thanh Huyền
ThS. Nguyễn Anh Tài	TS. Nguyễn Thị Vân	ThS. Trần Thị Giang
ThS. Phan Thị Trang	TS. Quách Thành Long	ThS. Lê Văn Sơn
ThS. Dư Thị Huyền	ThS. Nguyễn Diệu Hằng	TS. Phạm Thị Quỳnh
ThS. Nguyễn Thị Thanh Xuân	TS. Phan Văn Thám	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hương
ThS. Nguyễn Thị Hiền	TS. Lâm Bá Hòa	ThS. Nguyễn Ngọc Ly
TS. Hoàng Trần Như Ngọc	TS. Nguyễn Hồ Minh Trang	ThS. Đào Thị Vinh
ThS. Đặng Nữ Hoàng Quyên	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Võ Thị Thu Ngọc
TS. Nguyễn Thành Minh	NCS. Dương Xuân Ngọc Hà	ThS. Hà Lê Dũng
ThS. Nguyễn Chí Ngân	TS. Thái Doãn Việt	ThS. Trần Thị Hà Trang
ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	TS. Vũ Thị Thu Hằng	ThS. Trần Công Huân
ThS. Lâm Thái Bảo Ngân	TS. Phạm Ngọc Bảo Liêm	TS. Nguyễn Thị Hoa
TS. Võ Anh Tuấn	TS. Trần Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Thị Tùng
ThS. Trần Thị Hà Trang	TS. Nguyễn Văn Quế	ThS. Dương Thị Nghĩa
ThS. Trương Phi Long	TS. Lê Văn Tùng	ThS. Trần Thị Hoa
ThS. Phạm Văn Thiện	ThS. Nguyễn Thị Thìn	ThS. Nguyễn Thị Quyên
ThS. Nguyễn T. Thương Uyên	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Văn Duy
ThS. Trần Nguyên Hào	TS. Nguyễn Thị Thắng	ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt
TS. Trần Văn Lực	TS. Phạm Huy Thành	ThS. Doãn Thị Mai Thủy
ThS. Nguyễn Hồng Đức	ThS. Lê Bình Phương Luân	
ThS. Trịnh Thị Hợp	TS. Nguyễn Khoa Huy	

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo đề dẫn hội thảo khoa học quốc gia: “Cách mạng tháng Tám năm 1945: Từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” <i>TS. Trần Thị Hồng Minh</i>	1
PHẦN I <i>Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Sự kiện mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</i>	5
Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Cuộc đổi đời của dân tộc Việt Nam <i>TS. Hồ Châu</i>	6
Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình ở Việt Nam <i>TS. Trần Thị Hồng Minh</i>	11
Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>TS. Lê Hồ Sơn</i>	18
Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Thắng lợi của con đường cách mạng đúng đắn do Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn <i>TS. Lê Văn Thuật - ThS. Nguyễn Anh Tài - ThS. Phan Thị Trang</i>	24
Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>ThS. Nguyễn Thị Thanh Xuân</i>	29
Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>ThS. Dư Thị Huyền</i>	34
Đảng Cộng sản Đông Dương với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - 80 năm nhìn lại <i>ThS. Nguyễn Thị Hiền</i>	39
Cách mạng tháng Tám năm 1945 và bài học về phát huy ý chí tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình <i>TS. Hoàng Trần Như Ngọc</i>	45
Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám năm 1945 với nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia trong thời đại mới <i>TS. Nguyễn Thị Tùng</i>	51
Cách mạng tháng Tám năm 1945: Một tiếp cận từ quan điểm văn hóa của Hồ Chí Minh <i>ThS. Đặng Nữ Hoàng Quyên</i>	57
Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>TS. Nguyễn Thành Minh</i>	62

Các dân tộc thiểu số trong Cách mạng tháng Tám và chính sách của Đảng đối với các dân tộc thiểu số hiện nay <i>ThS. Nguyễn Chí Ngàn</i>	70
Từ độc lập dân tộc đến hội nhập quốc tế: Hành trình vươn mình của ngoại giao Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám <i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hà</i>	75
Vai trò của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với việc xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân <i>ThS. Lâm Thái Bảo Ngàn</i>	81
Từ Cách mạng tháng Tám đến thời kỳ vươn mình của dân tộc Việt Nam: Những bài học và giá trị cốt lõi <i>TS. Võ Anh Tuấn</i>	87
Di sản ngoại giao của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và bài học kinh nghiệm cho chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Trần Thị Hà Trang</i>	95
Cách mạng tháng Tám năm 1945 và bài học cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiêu mới ở một số nước châu Phi <i>ThS. Trương Phi Long - ThS. Phạm Văn Thiện</i>	99
Cách mạng tháng Tám 1945 - Bài học về huy động sức mạnh toàn dân tộc trong bối cảnh xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thời kỳ mới <i>ThS. Nguyễn Thị Thương Uyên</i>	104
Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và bài học cho kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Trần Nguyên Hào</i>	112
Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Thừa Thiên - Huế <i>TS. Trần Văn Lực</i>	117
Cách mạng tháng Tám năm 1945 và mục tiêu giải phóng phụ nữ ở Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Hồng Đức</i>	122
Phát huy giá trị văn hóa - tinh thần của Cách mạng tháng Tám trong việc xây dựng nền văn hóa số ở Việt Nam <i>ThS. Trịnh Thị Hợp</i>	129
Bối cảnh quốc tế tác động đến quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến 1950 <i>ThS. Lê Thị Thu Hương - TS. Trần Thuý Hiền</i>	137
PHẦN II	
<i>Từ Cách mạng tháng Tám đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam</i>	141
Việt Nam vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>TS. Nguyễn Lê Thu - ThS. Phạm Văn Toàn</i>	142
Bối cảnh thế giới đầu thế kỷ XXI và những tác động của nó đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Thị Vân - TS. Quách Thành Long</i>	149

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam: Động lực từ lịch sử, khát vọng của hiện tại <i>ThS. Nguyễn Diệu Hằng</i>	156
Thách thức và cơ hội trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Phan Văn Thám</i>	163
Tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình <i>TS. Lâm Bá Hòa</i>	171
Việt Nam trong kỷ nguyên mới: Bài học lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến chiến lược phát triển kinh tế hội nhập và hiện đại <i>TS. Nguyễn Hồ Minh Trang</i>	180
Những vấn đề lý luận và thực tiễn về yêu cầu mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Văn Duyệt</i>	190
Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng: Một nhiệm vụ then chốt trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - NCS. Dương Xuân Ngọc Hà</i>	197
Di sản tinh thần và giá trị chiến lược của Cách mạng tháng Tám 1945 đối với hiện thực hóa khát vọng quốc gia hùng cường trong kỷ nguyên phát triển mới <i>TS. Thái Doãn Việt</i>	205
Từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: Nhìn từ vai trò của khoa học xã hội và nhân văn <i>TS. Vũ Thị Thu Hằng</i>	213
Vai trò của giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Phạm Ngọc Bảo Liêm</i>	221
Giáo dục đại học trong kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Trần Thị Ngọc Anh - TS. Nguyễn Thị Vân</i>	227
Từ tinh thần Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Văn Quế</i>	233
Giá trị triết học của Cách mạng tháng Tám năm 1945 với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Lê Văn Tùng - ThS. Nguyễn Thị Thìn</i>	240
Phát huy những bài học của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hà</i>	245
Năm bắt thời cơ - Một bài học lớn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Thị Thắng</i>	251
Nghệ thuật nắm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám với “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” <i>TS. Phạm Huy Thành</i>	256

Nhận diện thời cơ: Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Lê Bình Phương Luân</i>	262
Từ bài học năm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 nghĩ về vấn đề bồi dưỡng năng lực trí tuệ nhân tạo cho giảng viên đại học hiện nay <i>TS. Nguyễn Khoa Huy</i>	268
Xóa bỏ định kiến giới vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới <i>TS. Nguyễn Việt Phương - ThS. Trần Hữu Thượng</i>	274
Phát huy vai trò của khoa học và công nghệ hiện đại đối với sự phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới <i>ThS. Nguyễn Thị Phương</i>	283
Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>ThS. Võ Thị Thanh Huyền</i>	291
Xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình: Động lực nội sinh cho một dân tộc phát triển hùng cường <i>ThS. Trần Thị Giang</i>	299
Hoàn thiện thể chế kinh tế góp phần thúc đẩy Việt Nam phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>ThS. Lê Văn Sơn</i>	305
Đảng Cộng sản Việt Nam đổi mới chính sách ngoại giao đưa đất nước vươn mình bước vào kỷ nguyên mới <i>TS. Phạm Thị Quỳnh - ThS. Nguyễn Thị Thúy Hương - ThS. Nguyễn Ngọc Ly</i>	310
Thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới <i>TS. Võ Thị Thu Ngọc</i>	317
Tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị hướng tới kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Đào Thị Vinh</i>	325
Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam: Bài học về đại đoàn kết toàn dân tộc <i>ThS. Hà Lê Dũng</i>	331
Đại đoàn kết dân tộc - Chìa khóa thành công từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Trần Thị Hà Trang</i>	339
Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám năm 1945 và tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc phát triển thành phố Huế vững bền, giàu đẹp <i>ThS. Đặng Nữ Hoàng Quyên</i>	343
Vận dụng bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay <i>ThS. Trần Công Huân</i>	349

Cách mạng tháng Tám năm 1945 với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay <i>ThS. Nguyễn Thị Hiền - TS. Nguyễn Thị Hoa</i>	357
Giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng và bài học đối với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>ThS. Doãn Thị Mai Thủy</i>	363
Những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự vận dụng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay <i>ThS. Dương Thị Nghĩa</i>	369
Từ <i>bình dân học vụ</i> trong kỷ nguyên độc lập đến <i>bình dân học vụ số</i> trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Trần Thị Hoa</i>	379
Từ khát vọng vươn mình trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Thị Quyên</i>	388
Cơ hội và thách thức đối với sinh viên Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt</i>	393

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

*TS. Nguyễn Thành Minh**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã mở ra bước ngoặt lịch sử vĩ đại cho dân tộc Việt Nam, đưa đất nước ta thoát khỏi ách xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp kéo dài hơn 80 năm, đồng thời lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại cả hàng ngàn năm, đưa nhân dân ta từ thân phận của những người bị áp bức, bị bóc lột, bị nô dịch trở thành người làm chủ đất nước. Cách mạng tháng Tám đã mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Quá trình chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám đi đến thắng lợi của Đảng ta đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu có giá trị bền vững. Một trong những bài học đó chính là quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng về vấn đề dân tộc thiểu số và đường lối cách mạng đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Chính sự đúng đắn, khoa học, sáng tạo và nhân văn trong quan điểm, đường lối cách mạng này đã tạo nên niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần đưa Cách mạng tháng Tám đi đến thắng lợi.

NỘI DUNG

Ngày 31/8/1958, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã dàn trận tại cửa biển Đà Nẵng bắt đầu cuộc chiến xâm lược nước ta. Trong gần 30 năm tiếp theo, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Nam Kỳ, Bắc Kỳ rồi tiến công vào kinh đô Huế, buộc triều đình nhà Nguyễn từng bước phải nhượng bộ. Đến năm 1884, thông qua Hiệp ước Giáp Thân, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã thừa nhận nền thống trị của thực dân Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Từ một quốc gia phong kiến độc lập Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam anh dũng, kiên cường, bất khuất không ngừng đứng lên chống lại sự thống trị của kẻ thù và lực lượng tay sai phản động. Tuy nhiên, do thiếu con đường đấu tranh đúng đắn, cách mạng và khoa học, do phải đương đầu với sự xâm lăng từ một nước phương Tây, hoàn toàn chiếm ưu thế về tiềm lực kinh tế, quân sự, nhất là về vũ khí, công nghệ quân sự mà tất cả các cuộc đấu tranh trước khi có Đảng (trước năm 1930) đều thất bại và chịu sự đàn áp dã man. Trước chính sách khai thác thuộc địa khốc liệt, chính sách chia để trị, chính sách kích động thù hằn dân tộc của thực dân Pháp, các dân tộc ở Việt Nam từ đồng bằng đến miền núi đều phải chịu thân phận nô lệ, bị bóc lột dã man đến tận cùng và tằm tối.

1. Nội dung quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số trước Cách mạng tháng Tám (1945)

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em trong đó có 53 dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống rải rác trên những vùng rừng núi của đất nước, nơi có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái. Tuy có tập quán, tâm lý, trình độ phát triển khác nhau nhưng các dân tộc đều là anh em một nhà, tương thân, tương ái, cùng tạo ra bản sắc văn hóa đặc trưng của Việt Nam trong nền văn hóa đa dạng của các tộc người.

Sự phát triển của lịch sử cộng đồng các dân tộc Việt Nam gắn liền với cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước, là lịch sử của tinh thần đoàn kết tạo nên sức mạnh to lớn để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Truyền thống đoàn kết đã trở thành bản sắc văn hóa

* Khoa Giáo dục chính trị, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

riêng của con người Việt Nam, nó được bắt nguồn từ hàng ngàn năm lịch sử và được nâng lên một tầm cao mới kể từ khi có sự lãnh đạo của Đảng.

Trong suốt giai đoạn lãnh đạo cách mạng Việt Nam kể từ khi ra đời (03/02/1930) cho đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xem vấn đề dân tộc thiểu số là vấn đề có vị trí chiến lược của sự nghiệp cách mạng, việc giải phóng đồng bào dân tộc thiểu số khỏi những áp bức bóc lột của thực dân phong kiến và sự nghèo nàn lạc hậu là nhiệm vụ lớn của cách mạng Việt Nam. Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc thiểu số giai đoạn này gồm những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, vạch trần âm mưu chia rẽ, đàn áp các dân tộc thiểu số của thực dân Pháp.

Khái quát bước đầu về tình hình các dân tộc ở Đông Dương, Trong Nghị quyết Chính trị của Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương, diễn ra từ ngày 27 - 31/3/1935 tại Ma Cao, Đảng ta khẳng định: “Đông - dương gồm 5 xứ (1), ước độ 22 triệu người, trong đó dân tộc Việt Nam ở 3 kỳ: Trung, Nam, Bắc choán 18 triệu, còn độ 4 triệu thì người Cao - miên hơn 2 triệu, Ai - lao độ 80 vạn, còn độ 1 triệu chia ra các dân tộc nhỏ khác rải rác ra các vùng Trung, Nam, Bắc - kỳ như: Thổ, Mường, Nùng, Mèo, Mán, Thái, Giao, Lô - lô,... (Bắc - kỳ) và Thượng, Kha, Chàm, Ra - đê,... Các điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội các xứ và các miền dân tộc thiểu số đều khác nhau”¹.

Từ khi thực dân Pháp áp đặt ách thống trị lên đất nước ta, chúng tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa khốc liệt nhằm tận lực vơ vét tài nguyên thiên nhiên và bóc lột nguồn lao động. Chúng thẳng tay đàn áp dã man những phong trào yêu nước, đòi tự do và bình đẳng. Thực dân Pháp thực hiện chính sách cô lập, chia rẽ gây kỳ thị dân tộc giữa đồng bào dân tộc thiểu số đối với người Kinh. Bên cạnh đó, chúng cũng ráo riết thực hiện chính sách tuyên truyền, bóp méo sự thật, mị dân để lừa phỉnh đồng bào dân tộc thiểu số. Ngay trong Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng ta đã khẳng định: “Từ lúc Đông Dương bị chiếm cứ, đế quốc chủ nghĩa vẫn thi hành chính sách chia rẽ và duy trì lòng ác cảm của dân tộc này đối với dân tộc khác, đế quốc chủ nghĩa chiếm đất đai của các dân tộc miền núi không chịu quy phục, đế quốc đã dã man bắn giết đàn áp thẳng tay, cố bịt mắt bùng tai họ”². Trong Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng ngày 6, 7, 8, 9 tháng 11 năm 1939, Đảng ta một lần nữa chỉ rõ chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với các dân tộc ở Đông Dương: “Khủng bố, lừa gạt chưa đủ, đế quốc Pháp còn dùng chính sách chia rẽ. Chia rẽ dân tộc Việt Nam với dân Việt Nam, chia rẽ dân Việt Nam với các dân tộc Miên - Lào và các dân tộc thiểu số khác (chúng lợi dụng người dân tộc này bắn người dân tộc kia)”³.

Từ việc chỉ rõ hoàn cảnh khốn cùng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và Đông Dương, Đảng Cộng sản Đông Dương đã vạch trần, tố cáo âm mưu và tội ác của Thực dân Pháp. Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định sự thống khổ của các dân tộc Đông Dương chính là kết quả của chính sách bóc lột phi nhân tính của chính quyền thuộc địa: “Các dân tộc nhỏ yếu ở Đông Dương dốt nát, chậm trễ, không phải vì bản tánh của họ mà chính vì chính sách dã man của đế quốc”⁴. Chính việc nhìn nhận rõ tình hình các dân tộc thiểu số ở Đông Dương cũng như vạch trần tội ác và âm mưu chia rẽ của thực dân Pháp đã giúp Đảng ta đưa ra được các khẩu hiệu đấu tranh

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.5, tr.69.

² Ủy ban Dân tộc: *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.9.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.6, tr.518.

⁴ Ủy ban Dân tộc: *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.10.

phù hợp với thực tiễn cách mạng, tập hợp lực lượng để tiến tới giành chính quyền và đặt ra những nhiệm vụ cần phải thực hiện đối với đồng bào dân tộc thiểu số khi chính quyền cách mạng được thiết lập.

Thứ hai, kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, khẳng định ủng hộ quyền bình đẳng, quyền tự quyết và liên hiệp công nhân các dân tộc.

Ngay từ khi chủ nghĩa Mác ra đời, vấn đề dân tộc đã được đặt lên vị trí trung tâm trong chiến lược đấu tranh của giai cấp công nhân. Cùng với giai cấp, giải quyết vấn đề dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cuộc đấu tranh cách mạng.

Những quan điểm về vấn đề dân tộc của C. Mác và Ph.Ăngghen đã được Lênin kế thừa, bổ sung và phát triển thành những quan điểm chung của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc trong điều kiện đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. Trên cơ sở tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về vấn đề dân tộc, sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới cũng như cách mạng nước Nga và cả sự phân tích sâu sắc về hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, Lênin đã viết rất nhiều tác phẩm kinh điển về vấn đề dân tộc như: “Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc”, “Quyền dân tộc tự quyết”, “Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết”, “Tổng kết cuộc tranh luận về quyền dân tộc tự quyết”,... Đặc biệt tháng 7/1920, Lênin viết sơ thảo lần thứ nhất “những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” trình bày trong Đại hội II của Quốc tế cộng sản và được Đại hội thông qua, trở thành những chính sách của Quốc tế cộng sản về vấn đề dân tộc - thuộc địa. “Cương lĩnh dân tộc” của Đảng Cộng sản với ba nội dung cơ bản: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc có quyền tự quyết, liên hiệp công nhân các dân tộc lại.

Các dân tộc có quyền bình đẳng. Các dân tộc đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau trong quan hệ xã hội cũng như quan hệ quốc tế. Không có đặc quyền, đặc lợi của dân tộc này đối với dân tộc khác. Lênin đã chỉ ra rằng: “nguyên tắc bình đẳng hoàn toàn gắn liền chặt chẽ với việc đảm bảo quyền lợi của các dân tộc thiểu số...bất cứ một thứ đặc quyền nào dành cho một dân tộc, và bất cứ một sự vi phạm nào đến quyền lợi của một dân tộc thiểu số đều bị bác bỏ”⁵.

Các dân tộc có quyền tự quyết. Đây là nguyên tắc quan trọng thứ hai trong cương lĩnh dân tộc của Lênin. Thực chất đây là quyền làm chủ của một dân tộc, tự mình quyết định vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình, là giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và đi theo con đường tiến bộ xã hội. Lênin chỉ ra rằng: “Quyền dân tộc tự quyết hoàn toàn chỉ có nghĩa là các dân tộc có quyền độc lập về chính trị, có quyền tự do phân lập, về mặt chính trị, khỏi dân tộc áp bức họ. Nói một cách cụ thể, yêu sách đòi dân chủ chính trị đó có nghĩa là hoàn toàn tự do tuyên truyền cho việc phân lập và có nghĩa là giải quyết vấn đề phân lập bằng con đường trung cầu dân ý trong dân tộc muốn phân lập. Như vậy là yêu sách đó hoàn toàn không đồng nghĩa với yêu sách đòi phân lập, phân tán thành lập những quốc gia nhỏ. Nó chỉ là biểu hiện triệt để của cuộc đấu tranh chống mọi áp bức dân tộc”⁶.

Liên hiệp công nhân các dân tộc lại. Theo Lênin thì đoàn kết công nhân tất cả các dân tộc lại chính là điều kiện thực hiện tốt các quan hệ dân tộc, thực hiện quyền bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết trên thực tế. Đây là liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống áp bức giai cấp và áp bức dân tộc vì sự giải phóng dân tộc và xã hội, là liên

⁵ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.24, tr.179.

⁶ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.27, tr.327.

minh của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

Kế thừa và phát triển những luận điểm về dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin trong hoàn cảnh cách mạng Việt Nam và Đông Dương, Đảng ta khẳng định quyền bình đẳng, quyền tự quyết và tinh thần đoàn kết các dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

Về quyền bình đẳng các dân tộc. Đảng ta đã khẳng định bình đẳng giữa các dân tộc là quyền tự nhiên của tất cả các dân tộc trên thế giới và trên cõi Đông Dương. Mặc dù Đông Dương có nhiều dân tộc khác nhau nhưng tất cả các dân tộc đều có quyền ngang nhau trong mọi lĩnh vực. Xét trên bình diện quốc tế, các dân tộc ở Đông Dương cũng có quyền và nghĩa vụ như các dân tộc lớn khác kể các dân tộc ở chính quốc. Đấu tranh vì bình đẳng cho các dân tộc ở Đông Dương được Đảng ta khẳng định là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết của cách mạng. Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định Đảng Cộng sản đấu tranh cho: “Sự bình đẳng hoàn toàn của các dân tộc”⁷...”Trong một vùng có nhiều dân tộc sinh sống và nhất là ở Đông Dương, nơi có không ít dân tộc nhỏ với dân số chỉ mấy ngàn người thì khẩu hiệu “Quyền tự quyết cho đến độc lập dân tộc” là chưa đủ, nó phải được bổ sung bằng khẩu hiệu “Bình đẳng dân tộc”⁸.

Từ đó, Đảng ta chủ trương đấu tranh nhằm thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc. Nghị quyết về công tác trong các dân tộc thiểu số của Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định: “Đảng Cộng sản thừa nhận cho các dân tộc được quyền tự do hoàn toàn. Đảng chống chế độ thuộc địa, chống hết các hình thức trực tiếp và gián tiếp đem dân tộc này đàn áp bóc lột dân tộc khác”⁹.

Bên cạnh quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tự quyết của các dân tộc cũng là quyền không thể tách rời của các dân tộc. Quyền tự quyết của các dân tộc đã được Đảng ta đưa ra từ những ngày đầu thành lập Đảng. Nghị quyết về công tác dân tộc thiểu số ngày 28/3/1935, Đảng ta đã đưa ra “khẩu hiệu cho các dân tộc tự quyết”. Khẩu hiệu này không chỉ đáp ứng đúng tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam mà còn được sự đồng thuận và ủng hộ của Quốc tế Cộng sản. “Đảng Đại hội công nhận khẩu hiệu “cho các dân tộc được quyền tự quyết” đã đề xướng năm 1932 trong Chương trình hành động của Đảng và đã được Quốc tế Cộng sản hoàn toàn đồng ý”.

Nghị quyết về công tác dân tộc thiểu số ngày 28/3/1935, Đảng ta cũng đã giải thích quyền tự quyết của các dân tộc ở Đông Dương bao gồm: “Đảng Cộng sản thừa nhận quyền tự do hoàn toàn”. Đảng Cộng sản Đông Dương cũng khẳng định quyền tự quyết của các dân tộc ở Đông Dương là quyền tự quyết định vận mệnh và con đường đi của dân tộc mình. Quyền đó bao gồm cả việc Đảng Cộng sản thừa nhận ủng hộ các dân tộc ở Đông Dương sau khi đánh đổ được thực dân Pháp tự do lựa chọn chính thể theo ý chí của họ. Các dân tộc có thể ở trong Liên bang Cộng hòa Xô viết Đông Dương hoặc tách ra thành nhà nước độc lập và theo bất cứ chính thể nào họ muốn. Đảng Cộng sản ủng hộ các dân tộc tham gia Liên bang Cộng hòa Xô viết Đông Dương vì lợi ích của các dân tộc và tăng cường sức mạnh của khối đoàn kết nhằm chống lại “quân thù giai cấp” để xây dựng xã hội chủ nghĩa. Liên bang Cộng hòa Xô viết Đông Dương sẽ được xây dựng dựa trên nguyên tắc “chân thật, tự do và bình đẳng”, “các dân tộc ở liên bang được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm như nhau”.

Đảng Cộng sản Đông Dương đặc biệt ủng hộ liên minh giữa các dân tộc trên tinh thần của giai cấp công nhân. Trước hết là liên minh giữa những dân tộc ở Liên bang

⁷ Ủy ban Dân tộc: *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.20.

⁸ Ủy ban Dân tộc: *Sdd*, 2013, tr.20.

⁹ Ủy ban Dân tộc: *Sdd*, 2013, tr.14.

Đồng Dương sau đó là mối liên hệ với các dân tộc khác trên thế giới. Trên tinh thần quốc tế trong sáng của giai cấp vô sản, Đảng Cộng sản Đông Dương luôn khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, các dân tộc Việt Nam và Đông Dương sẽ có mối quan hệ tốt đẹp với các dân tộc khác trên thế giới để đấu tranh chống lại thực dân đế quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội nghị Trung ương lần thứ tám của Đảng đã khẳng định: “Cuộc cách mạng Đông Dương là một bộ phận cách mạng thế giới và giai đoạn hiện tại là một bộ phận dân chủ chống phát xít. Bởi vì Pháp - Nhật hiện nay là một bộ phận đế quốc xâm lược và là một bộ phận phát xít thế giới”¹⁰. Liên hiệp công nhân các dân tộc lại phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp lao động rộng rãi thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Đây chính là sự khẳng định nhất quán của Đảng ta không chỉ trong những ngày đầu chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám mà trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng.

Thứ ba, chỉ ra mục tiêu và quyết tâm giải phóng các dân tộc thiểu số của cách mạng Đông Dương.

Mục tiêu chính của cách mạng là giải phóng hoàn toàn các dân tộc ở Việt Nam và Đông Dương để các dân tộc đó có quyền tự quyết, quyền bình đẳng và sự tự chủ trong việc tham gia liên hiệp công nhân các dân tộc để tiếp tục đấu tranh vì sự tiến bộ của các dân tộc. Đảng ta đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến quyền lợi của các dân tộc thiểu số ngay từ những ngày đầu cách mạng. Đảng chỉ ra chính sách “ngu dân”, sự áp bức, nô dịch và những âm mưu gây chia rẽ thù hằn giữa các dân tộc của thực dân Pháp và tay sai là nguyên nhân dẫn đến sự bần cùng của các dân tộc ở Việt Nam và Đông Dương.

Để giải quyết triệt để thực trạng bết tắc và cùng quẫn của các dân tộc ở Việt Nam và Đông Dương, chỉ có duy nhất là đoàn kết các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đấu tranh giải phóng các dân tộc thoát khỏi ách thống trị của thực dân đế quốc và bè lũ tay sai và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định: “Vấn đề dân tộc là một vấn đề quan trọng của cách mạng Đông Dương. Nếu những dân tộc này được giải phóng khỏi kiếp ngựa trâu thì sẽ có thể mở đầu thắng lợi hoàn toàn cuộc cách mạng tư sản dân chủ”¹¹. Sẽ không có những quyền bình đẳng, tự quyết của các dân tộc nếu như những dân tộc ấy vẫn phải chịu sự nô dịch của thực dân đế quốc. Đảng ta chủ trương đấu tranh chống đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến tới xã hội cộng sản. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng năm 1930 đã xác định chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đây chính là con đường cách mạng của Việt Nam - con đường để đưa các dân tộc thiểu số được hoàn toàn bình đẳng, tự quyết và phát triển.

Thứ tư, chủ trương phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số làm nòng cốt cho cách mạng.

Trong hệ thống các chủ trương chính sách dân tộc của Đảng, chính sách cán bộ dân tộc thiểu số đóng vai trò rất quan trọng bởi vì cán bộ chính là chìa khóa cho thành công hay thất bại của mọi công việc. Vì thế, ngay từ những ngày đầu thành lập, Đảng ta đã rất quan tâm đến việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số làm nền tảng cho các phong trào cách mạng ở miền núi.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (tháng 3/1935), Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Nghị quyết về công tác trong các dân tộc thiểu số. Đây là nghị quyết đầu tiên của Đảng

¹⁰ Ủy ban Dân tộc: *Sdd*, 2013, tr.32.

¹¹ Ủy ban Dân tộc: *Sdd*, 2013, tr.19.

về công tác dân tộc thiểu số. Nghị quyết có bốn nội dung chính: 1. Sự sinh hoạt kinh tế, chính trị và xã hội của dân chúng lao động các dân tộc thiểu số. 2. Vận động giải phóng các dân tộc thiểu số. 3. Khẩu hiệu cho các dân tộc được quyền tự quyết. 4. Nhiệm vụ cần kíp. Riêng về vấn đề phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, Nghị quyết đã ghi nhận những thành tựu bước đầu: “Công nông các dân tộc thiểu số chẳng những đã vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản và các đoàn thể cách mạng khác do đảng chỉ đạo mà thôi, mà họ đã giữ một địa vị rất quan trọng trong cơ quan chỉ đạo từ hạ cấp tới thượng cấp”¹². Đây chính là lực lượng nòng cốt trong công tác dân vận, xây dựng, phát triển phong trào cách mạng ở vùng miền núi. Trên cơ sở ban đầu đó, Nghị quyết cũng chỉ ra nhiệm vụ cấp bách cần phải thực hiện đó là cần đẩy mạnh phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, vận động đồng bào dân tộc tham gia các tổ chức cách mạng, củng cố vững chắc cơ sở cách mạng: “Phải nỗ lực tổ chức quần chúng lao động các dân tộc ấy vào Đảng, Công hội, Nông hội, Phản đế liên minh,... cho đông”¹³.

Trên tinh thần của Cương lĩnh chính trị và Nghị quyết về công tác dân tộc thiểu số (1935), Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng ngày 6, 7, 8 tháng 11/1939 tiếp tục khẳng định nhiệm vụ phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số là phải tổ chức cho được những phần tử hăng hái của các dân tộc thiểu số vào Đảng. Có như thế mới tạo ra một lực lượng nòng cốt để tiến hành vận động đồng bào các dân tộc thiểu số đoàn kết thực hiện những nhiệm vụ cách mạng.

Như vậy, trong những ngày đầu cách mạng, vấn đề xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số đã được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng giúp Đảng ta xây dựng được cơ sở cách mạng vững chắc ở những vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã trở thành căn cứ cách mạng, là bàn đạp cho những bước nhảy vọt thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong đó có Cách mạng tháng Tám.

2. Ý nghĩa lịch sử của quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc thiểu số trước Cách mạng tháng Tám (1945)

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã chỉ rõ nguyên nhân của tình trạng bần cùng, nghèo nàn, lạc hậu của các dân tộc thiểu số đã tồn tại lâu dài dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Đó là chính sách bóc lột tàn bạo, chính sách chia để trị, chính sách cô lập miền núi với vùng đồng bằng thành thị, chính sách dùng người của dân tộc này đàn áp, bắn giết người dân tộc khác của thực dân Pháp. Chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến thực trạng bần cùng của các dân tộc thiểu số dưới ách thống trị của thực dân và phong kiến giúp Đảng ta nhận diện rõ vấn đề dân tộc trước cách mạng, tập hợp lực lượng và đưa ra mục tiêu, phương hướng đấu tranh đúng đắn nhằm xóa bỏ ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai phong kiến, giải phóng các dân tộc.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số phù hợp với nguyện vọng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Trải qua cả trăm năm chịu sự nô dịch của thực dân Pháp và triều đình phong kiến, các dân tộc Việt Nam rơi vào cảnh cùng quẫn, cơ cực, mất hết quyền tự do, dân chủ. Đồng bào các dân tộc thiểu số mong muốn thoát khỏi kiếp lầm than, nô lệ; mong muốn được làm chủ cuộc sống, không còn bị đàn áp, cướp bóc hay bắt phu, bắt lính, phu phen, tạp dịch... và trên hết là mong muốn được đối xử công bằng được sống tự do và mưu cầu hạnh phúc. Tuy nhiên, tất cả những

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.73.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.5, tr.74.

nguyện vọng chính đáng trên đã bị khước từ bằng những chính sách phản động của thực dân - phong kiến. Những phong trào yêu nước trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có sự hưởng ứng của đông bào dân tộc thiểu số đều đi vào ngõ cụt và thất bại. Vì vậy, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số với những nguyên tắc tiến bộ của chủ nghĩa Mác - Lênin như: bình đẳng, tự quyết và liên hiệp công nhân các dân tộc; với mong muốn đưa các dân tộc thiểu số thoát khỏi áp bức, bóc lột để hướng đến tự do, bình đẳng, tiến bộ và phát triển... đã đáp ứng nguyện vọng của các dân tộc thiểu số để đông bào dân tộc thiểu số tin và đi theo cách mạng, chở che và bảo vệ cách mạng.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số đã thể hiện tính tiến bộ và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. Tính tiến bộ và nhân văn đó được thể hiện thông qua việc thừa nhận và ủng hộ mạnh mẽ quyền bình đẳng tộc người, chống lại sự kỳ thị dân tộc; chủ nghĩa Mác - Lênin cũng khẳng định sự ủng hộ các dân tộc có quyền tự quyết định vận mệnh của mình và mong muốn hòa hợp, đoàn kết các dân tộc dưới ngọn cờ của giai cấp công nhân. Trong bối cảnh những năm đầu thế kỷ XX, có khoảng 165 đến 180 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới (khoảng 85 đến 90% dân số thế giới) từng bị chiếm đóng hoặc trở thành thuộc địa thì những tư tưởng tiến bộ và nhân văn về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành động lực cho cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong đó có Việt Nam. Đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, vấn đề dân tộc luôn luôn được xem xét trong mối liên hệ chặt chẽ với vấn đề giai cấp, đấu tranh giải phóng dân tộc gắn liền với đấu tranh giai cấp. Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam, linh hoạt kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn lịch sử - xã hội của Việt Nam, từ đó đưa ra đường lối cách mạng phù hợp, hiệu quả. Đó là con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc lãnh đạo nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số đã góp phần củng cố sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân tộc trước Cách mạng tháng Tám. Tinh thần đoàn kết là truyền thống quý báu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được hình thành và củng cố suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Tinh thần đoàn kết đó đã được nâng lên một tầm cao mới từ khi có Đảng. Dưới sự soi sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là trung tâm tập hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam với quan điểm nhân văn, tiến bộ và cách mạng về vấn đề dân tộc đã đáp ứng nguyện vọng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Đảng cương quyết đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân chủ và giàu mạnh của đất nước. Đây cũng chính là nguyện vọng của tất cả các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam là trung tâm tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì có đường lối đúng đắn, đại diện cho lợi ích dân tộc, luôn gắn bó với nhân dân và giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống chính trị. Đó là nhân tố quyết định để quy tụ, phát huy và tổ chức hiệu quả sức mạnh của toàn dân tộc, là động lực lớn cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

KẾT LUẬN

Từ những ngày đầu thành lập, trong các cương lĩnh đầu tiên Đảng ta đã rất quan tâm đến vấn đề dân tộc thiểu số. Kế thừa và phát triển sáng tạo những nội dung cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin như: các dân tộc có quyền bình

đảng, các dân tộc có quyền tự quyết và đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc lại, Đảng ta đã xây dựng đường lối, chính sách dân tộc ở Việt Nam và Đông Dương trong quá trình đấu tranh giành chính quyền. Và ngay từ giai đoạn đầu tiên này, đường lối, chính sách dân tộc của Đảng đã thể hiện rõ nét sự tiến bộ, khoa học và phát triển. Có thể thấy, tinh thần bình đẳng, đoàn kết và tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc đã được Đảng khẳng định trong đường lối của mình từ những ngày mới thành lập. Đây chính là mục tiêu và cũng là động lực to lớn góp phần vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc thiểu số có ý nghĩa lịch sử quan trọng, thể hiện sự công nhận và tôn trọng quyền tự quyết, bình đẳng của các dân tộc thiểu số và tạo tiền đề cho việc xây dựng một Việt Nam thống nhất, độc lập, tự do và hạnh phúc.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

07 Hà Nội, Thành phố Huế - Điện thoại: 0234.3834486

<http://huph.hueuni.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập: Trần Bình Tuyên

Biên tập viên

Ngô Văn Cường - Trần Thị Hồng My

Biên tập kỹ thuật

Tôn Nữ Quỳnh Chi

Trình bày, minh họa

Trần Thị Hồng Minh

Sửa bản in

Trần Thị Hồng Minh

Đối tác liên kết

Trần Thị Hồng Minh, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

77 Nguyễn Huệ, thành phố Huế

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945: TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

In 20 bản, khổ 20,5x29,5cm tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vân Thái,
89 Nguyễn Huệ, thành phố Huế. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2333-
2025/CXBIPH/9-39/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 506/QĐ-NXB, cấp ngày 04
tháng 8 năm 2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

ISBN: 978-604-489-948-0